

Bản tin Phân tích kỹ thuật

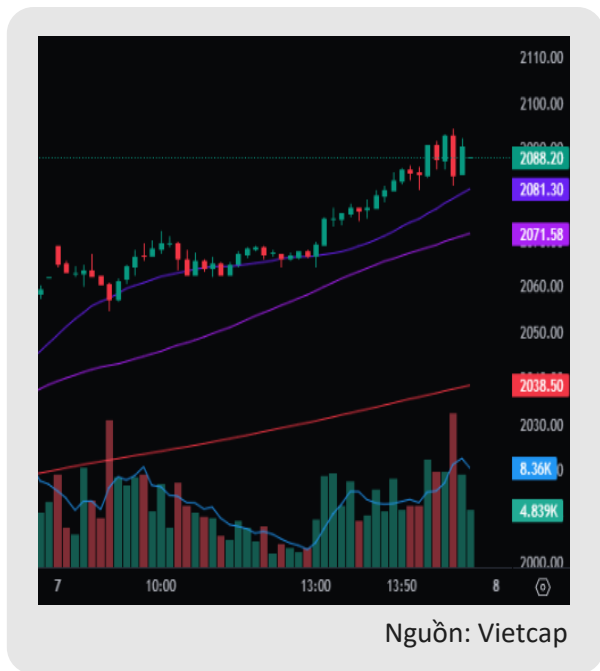
07/01/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G1000 duy trì tín hiệu tăng giá đến cuối ngày nhờ vận động trên các đường MA20 và MA50. Đà tăng chưa có dấu hiệu suy yếu bởi hợp đồng đóng cửa quanh khu vực giá cao trong ngày. (M5)
- Dự báo 4111G1000 sẽ tiếp tục tăng giá, chinh phục vùng 2.110 điểm. Vị thế mua được khuyến nghị và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 2.080 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 2.090 điểm
- Mục tiêu (TP): 2.110 điểm
- Dừng lỗ (SL): 2.080 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Trung tính	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Tiêu cực	Trung tính

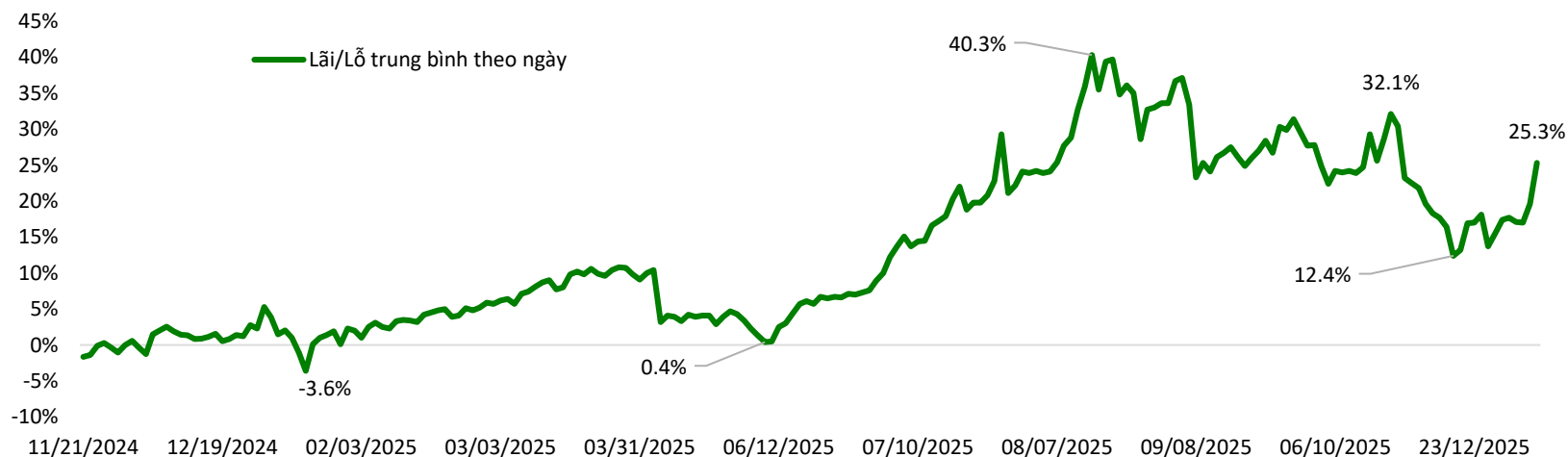


Nguồn: Vietcap

- VN-Index tăng về giá lẫn thanh khoản kèm sắc xanh dần trải trên sàn HOSE cho thấy sự lấn át từ hoạt động mua giá cao. VN30-Index có diễn biến tương đồng. Nhóm vốn hóa vừa (VNMidcap) cũng thu hút sự chú ý trong phiên nhờ biên độ tăng cao ở nhiều mã, đưa tín hiệu ngắn hạn của chỉ số này từ mức Tiêu cực lên Trung tính.
- Hoạt động mua cải thiện đồng đều ở nhóm Ngân hàng, Dầu khí, Tiêu dùng, Bán lẻ, và Vật liệu. Không ghi nhận lực cung bất thường tại khu vực 1.860 điểm. Về tín hiệu kỹ thuật, rõ VN30 có trên 80% cổ phiếu giữ tín hiệu Tích cực trong ngắn và trung hạn. Về ngành, trong 2 phiên tăng gần đây, cổ phiếu Ngân hàng, Dầu khí, Bán lẻ, Bảo hiểm hình thành được cấu trúc tăng giá ổn định hơn các nhóm ngành còn lại.
- VN-Index thiết lập mốc cao mới, không ghi nhận áp lực bán bất thường và mức độ phân hóa đã giảm bởi ngoài nhóm Vingroup còn có sự đóng góp về điểm số từ các nhóm ngành khác. Do đó, chúng tôi dự báo vùng 1.890-1.900 điểm sẽ là mục tiêu tiếp theo, đồng thời nâng mức hỗ trợ trong ngày lên khu vực 1.830 điểm. Dựa trên tín hiệu Tích cực đang có, lực cầu giá thấp quanh hỗ trợ sẽ giúp cân bằng áp lực bán giá cao (nếu có) nhằm củng cố đà tăng hiện tại, tạo điều kiện tiếp cận vùng giá trên 1.900 điểm.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
PVS	19/12/2025		Đang mở	36,000	32,300	11.5%	31,100	36,000	33,500	39,400
BID	19/12/2025		Đang mở	40,950	37,500	9.2%	37,300	41,000	38,000	
TCB	19/12/2025		Đang mở	36,400	33,100	10.0%	32,000	36,200	34,700	38,900
MWG	22/12/2025		Đang mở	89,800	82,700	8.6%	79,700	89,000	85,000	93,000
POW	24/12/2025		Đang mở	13,600	12,700	7.1%	12,200	14,100	12,750	14,400
MSN	31/12/2025		Đang mở	78,400	76,500	2.5%	74,000	82,000		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	179,000	3.41%	12.09%	1,379,380	9.704	1,147	9.5	156.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	149,500	5.43%	27.02%	614,058	6.882	6,133	2.8	24.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	59,600	4.01%	4.38%	497,998	4.126	4,202	2.2	14.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
BID	40,950	5.27%	5.54%	287,525	3.127	3,781	1.8	10.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
GAS	88,500	6.88%	17.84%	213,546	3.034	5,014	3.3	17.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	37,450	3.45%	6.09%	290,872	2.073	4,292	1.7	8.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	29,450	6.90%	13.27%	117,800	1.677	1,569	2.0	18.8	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
FPT	97,500	3.72%	3.39%	166,092	1.276	5,280	4.6	18.5	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
BSR	17,950	6.85%	7.49%	89,881	1.270	413	1.6	43.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
STB	53,400	-5.82%	-10.85%	100,671	-1.209	6,519	1.6	8.2	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	26,600	2.50%	-0.37%	204,167	1.056	1,876	1.6	14.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	68,200	6.90%	12.73%	70,587	1.005	3,576	3.3	19.1	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HVN	26,000	5.69%	0.97%	80,899	0.950	3,765	14.5	6.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPL	100,500	-2.33%	6.91%	180,227	-0.868	-60	5.0	-1,685.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PLX	41,450	6.97%	13.56%	52,666	0.757	2,090	2.1	19.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSV	131,300	9.97%	44.13%	26,260	1.018	9,526	5.7	13.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	38,900	6.58%	6.58%	14,763	0.377	4,849	2.2	8.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DTK	12,900	7.50%	8.40%	8,808	0.257	1,116	1.0	11.6	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
KSF	68,000	1.04%	0.00%	61,186	0.247	4,851	5.2	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHS	19,400	3.19%	-6.73%	17,450	0.217	1,518	1.5	12.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	16,000	3.23%	0.00%	17,093	0.214	488	1.6	32.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	26,000	1.17%	-0.76%	17,126	0.078	1,656	2.5	15.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	13,500	-0.74%	-0.74%	25,983	-0.074	-3,550	3.9	-3.8	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
NTP	64,700	1.57%	1.89%	11,066	0.068	5,885	2.8	11.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tích cực
MVB	17,300	9.49%	13.07%	1,817	0.067	2,316	1.1	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	77,800	10.20%	13.58%	230,493	0.466	3,046	6.1	24.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACV	51,200	4.49%	4.49%	179,783	0.160	2,971	2.7	16.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	51,400	12.23%	10.54%	58,483	0.142	1,438	4.3	33.9	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
MSR	27,000	3.45%	8.87%	29,537	0.020	-389	2.5	-69.1	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SSH	79,900	2.70%	2.70%	29,963	0.016	460	5.3	173.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VEA	34,200	1.48%	1.79%	45,150	0.013	5,767	1.5	5.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
FOX	63,900	1.43%	3.23%	46,677	0.013	4,405	4.5	14.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SNZ	32,800	4.79%	7.54%	11,852	0.011	3,320	1.7	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
SIG	17,700	-6.84%	-8.29%	7,957	-0.011	1,954	1.0	9.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
OIL	12,000	4.35%	9.09%	12,064	0.010	384	1.2	30.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

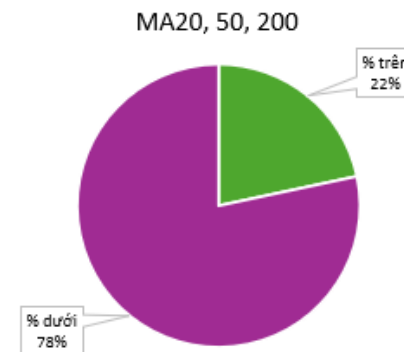
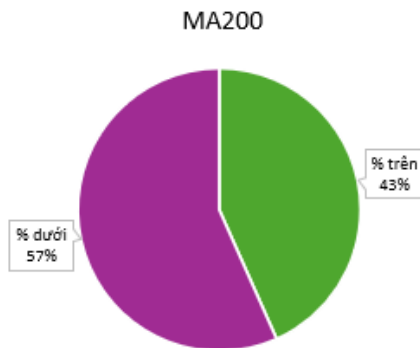
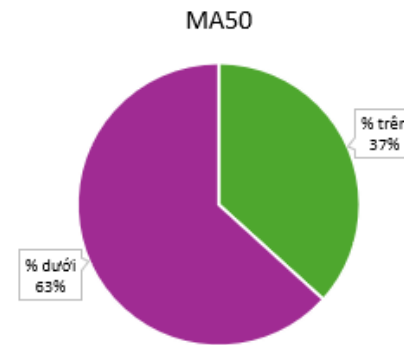
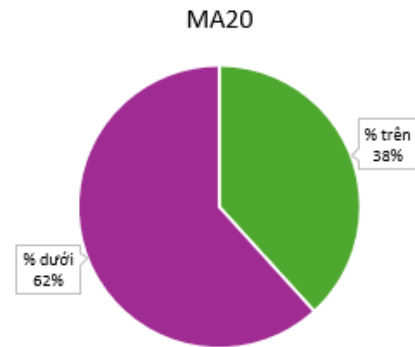
VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	179,000	3.4%	1336.0	1111.0	19,950	173,100	9.5	156.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	149,500	5.4%	1389.1	718.6	37,750	141,800	2.8	24.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	88,500	6.9%	366.0	123.7	47,818	82,800	3.3	17.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	89,800	1.1%	445.0	526.4	45,593	88,800	4.2	22.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BVH	65,500	6.9%	103.1	31.1	38,365	61,619	2.0	18.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PNJ	102,600	4.0%	127.9	50.5	61,783	98,700	2.9	14.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVS	36,000	0.6%	305.2	170.7	20,000	35,800	1.3	12.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVD	30,000	1.4%	286.3	213.8	16,282	29,600	1.0	18.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LIX	37,000	2.4%	7.6	0.8	24,978	36,950	2.5	11.8	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTZ	19,700	1.0%	33.5	24.2	16,300	19,500	1.7	22.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TSA	15,800	12.9%	6.7	0.8	10,239	14,600	1.5	20.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCK	48,500	-0.2%	106.8	168.1	48,600	52,600	5.3	18.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDC	49,600	-3.5%	15.9	14.9	50,500	59,000	2.2	177.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGT	12,900	5.7%	27.7	6.3	8,100	14,800	0.9	8.7	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGI	77,800	10.2%	205.9	35.8	54,951	91,287	6.1	24.9	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BCM	68,200	6.9%	149.5	17.6	52,000	81,800	3.3	19.1	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
L40	87,900	-1.2%	23.0	3.7	10,773	109,494	3.3	9.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GVR	29,450	6.9%	399.2	62.3	21,986	34,457	2.0	18.8	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
HHP	11,950	6.7%	29.3	15.4	8,140	12,800	1.1	24.1	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VTP	102,200	6.9%	159.2	40.9	94,600	168,096	7.1	32.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
ACV	51,200	4.5%	170.7	56.9	48,900	76,922	2.7	16.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	59,600	4.0%	764.5	222.1	52,122	68,602	2.2	14.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			07/01/2026	06/01/2026	05/01/2026	31/12/2025	30/12/2025	29/12/2025	26/12/2025	25/12/2025	24/12/2025	23/12/2025
VNINDEX	MA200	Trên	44%	40%	39%	43%	43%	43%	41%	44%	46%	45%
		Dưới	56%	60%	61%	57%	57%	57%	59%	56%	54%	55%
	MA50	Trên	39%	30%	31%	33%	35%	32%	31%	34%	37%	36%
		Dưới	61%	70%	69%	67%	65%	68%	69%	66%	63%	64%
	MA20	Trên	47%	38%	35%	38%	36%	32%	28%	31%	33%	35%
		Dưới	53%	62%	65%	62%	64%	68%	72%	69%	67%	65%
VN30	MA200	Trên	87%	77%	77%	73%	77%	77%	77%	73%	73%	73%
		Dưới	13%	23%	23%	27%	23%	23%	23%	27%	27%	27%
	MA50	Trên	77%	53%	43%	57%	50%	47%	47%	47%	63%	50%
		Dưới	23%	47%	57%	43%	50%	53%	53%	53%	37%	50%
	MA20	Trên	83%	70%	50%	67%	67%	50%	47%	50%	60%	60%
		Dưới	17%	30%	50%	33%	33%	50%	53%	50%	40%	40%
HNX	MA200	Trên	42%	40%	41%	42%	41%	41%	41%	41%	42%	42%
		Dưới	58%	60%	59%	58%	59%	59%	59%	59%	58%	58%
	MA50	Trên	34%	32%	33%	33%	32%	36%	32%	34%	38%	36%
		Dưới	66%	68%	67%	67%	68%	64%	68%	66%	62%	64%
	MA20	Trên	42%	40%	41%	42%	41%	41%	41%	41%	42%	42%
		Dưới	58%	60%	59%	58%	59%	59%	59%	59%	58%	58%
UPCOM	MA200	Trên	34%	32%	32%	33%	32%	33%	31%	32%	33%	33%
		Dưới	66%	68%	68%	67%	68%	67%	69%	68%	67%	67%
	MA50	Trên	37%	35%	35%	37%	37%	37%	35%	37%	37%	36%
		Dưới	63%	65%	65%	63%	63%	63%	65%	63%	63%	64%
	MA20	Trên	43%	42%	41%	41%	42%	42%	42%	42%	42%	41%
		Dưới	57%	58%	59%	59%	58%	58%	58%	58%	58%	59%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành	Tháng 1										Tháng 12									
	07	06	05	31	30	29	26	25	24	23	22	19	18	17	16	15	12	11	10	09
1 Dầu khí	87	85	80	80	81	76	72	71	72	69	62	53	49	47	39	31	42	40	40	50
2 Bán lẻ	67	65	65	67	66	63	63	58	56	58	56	48	48	45	43	46	63	74	81	84
3 Điện, nước & xăng d...	67	66	67	67	65	60	57	55	55	53	50	47	45	46	41	36	44	47	49	50
4 Bảo hiểm	64	53	55	59	62	59	49	47	49	52	48	42	41	40	37	35	44	49	51	55
5 Ngân hàng	54	42	40	48	46	44	48	48	50	48	42	33	31	35	31	31	37	42	42	45
6 Công nghệ Thông tin	53	50	52	55	53	49	47	49	51	51	53	54	54	55	55	55	58	47	46	44
7 Y tế	52	53	67	55	54	66	58	59	61	62	73	70	68	67	64	63	66	71	70	74
8 Hóa chất	51	41	39	42	39	34	36	36	39	39	38	38	37	39	37	36	44	49	52	53
9 Thực phẩm và đồ uống...	49	48	50	54	52	53	51	51	52	53	53	50	49	49	48	46	51	55	56	56
10 Hàng cá nhân & Gia ...	49	43	41	41	43	43	45	46	48	48	47	46	47	45	44	42	47	51	53	59
11 Du lịch và Giải trí	48	45	46	44	45	46	47	50	51	52	52	51	47	48	45	45	50	53	56	57
12 Tài nguyên Cơ bản	45	40	39	40	42	40	41	41	45	45	45	41	41	41	39	36	43	49	51	52
13 Hàng & Dịch vụ Côn...	44	36	37	42	42	40	38	42	42	42	40	35	38	37	35	34	43	46	47	48
14 Xây dựng và Vật liệu	37	34	35	38	36	36	38	41	46	48	46	45	46	45	40	38	50	54	57	57
15 Bất động sản	35	34	33	34	34	32	33	36	38	37	35	30	28	28	26	26	37	46	50	54
16 Ô tô và phụ tùng	35	32	31	33	30	31	31	30	31	30	32	27	28	26	25	22	28	30	31	21
17 Dịch vụ tài chính	26	21	24	32	34	35	33	32	33	35	32	21	17	18	15	13	16	20	20	19

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	179,000	3.4%	12.1%	1,379,380	9.5	156.0	1,147	1,336.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	149,500	5.4%	27.0%	614,058	2.8	24.4	6,133	1,389.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CTG	37,450	3.5%	6.1%	290,872	1.7	8.7	4,292	823.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	40,950	5.3%	5.5%	287,525	1.8	10.8	3,781	545.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TCB	36,400	1.1%	6.9%	257,939	1.6	11.7	3,111	483.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	77,800	10.2%	13.6%	230,493	6.1	24.9	3,046	205.9	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MBB	26,700	0.2%	7.4%	215,068	1.7	8.9	3,017	904.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	88,500	6.9%	17.8%	213,546	3.3	17.7	5,014	366.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	100,500	-2.3%	6.9%	180,227	5.0	-1,685.5	-60	148.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
HDB	29,100	0.2%	5.4%	145,654	2.2	9.5	3,070	662.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MWG	89,800	1.1%	3.1%	131,867	4.2	22.7	3,957	445.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	209,600	-1.2%	0.7%	124,002	5.1	72.4	2,897	311.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	29,450	6.9%	13.3%	117,800	2.0	18.8	1,569	399.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
TCX	48,800	2.6%	6.1%	112,792	2.7	20.4	2,390	213.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực
BSR	17,950	6.8%	7.5%	89,881	1.6	43.5	413	551.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VRE	38,550	1.3%	16.1%	87,598	1.9	18.0	2,144	451.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BCM	68,200	6.9%	12.7%	70,587	3.3	19.1	3,576	149.5	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	41,450	7.0%	13.6%	52,666	2.1	19.8	2,090	619.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
BVH	65,500	6.9%	9.5%	48,622	2.0	18.3	3,578	103.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
POW	13,600	6.7%	4.6%	41,723	1.2	20.1	677	326.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KDC	49,600	-3.5%	-4.4%	14,374	2.2	177.0	280	15.9	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	22,000	1.1%	-4.8%	4,395	1.5	7.2	3,057	53.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	48,500	-0.2%	-2.4%	73,809	5.3	18.7	2,595	106.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,200	-1.1%	-6.7%	29,463	0.8	-6.8	-1,937	138.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	64,100	1.7%	5.1%	24,344	1.6	7.7	8,296	206.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PDR	18,800	0.8%	-4.1%	18,759	1.6	89.2	211	163.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	16,750	0.6%	-5.1%	18,632	1.5	42.1	398	181.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCH	17,600	2.0%	-4.9%	16,053	1.4	22.0	801	91.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	20,100	0.5%	-11.1%	11,405	1.9	55.9	360	213.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DBC	26,850	0.6%	-1.6%	10,334	1.3	6.5	4,150	130.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
DSE	24,450	0.6%	-4.5%	8,377	2.0	27.5	888	7.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
CTD	72,500	-2.0%	-3.2%	7,721	0.8	11.6	6,245	61.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHV	12,750	2.0%	-2.7%	6,976	1.1	11.6	1,101	52.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTS	31,900	2.7%	-4.8%	6,785	2.4	11.1	2,870	20.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HHS	12,250	1.7%	-4.7%	5,292	0.6	1.3	9,417	16.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	8,810	0.2%	-4.3%	5,102	0.8	13.8	639	21.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VDS	16,600	2.2%	-2.6%	4,515	1.5	18.4	902	12.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SHI	14,050	-0.4%	-3.8%	2,388	1.3	42.2	333	5.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
YEG	12,150	0.8%	-2.0%	2,330	1.1	15.1	806	11.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HBC	6,300	0.0%	0.0%	2,154	1.2	11.5	539	7.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DGC	64,100	1.75%	5.08%	118,000	84.1%	8,296	1.6	7.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	30,650	0.49%	-0.65%	52,100	70.0%	2,191	1.5	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	15,250	0.00%	-1.29%	25,500	67.2%	178	1.2	85.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	31,350	-1.57%	-1.10%	48,500	54.7%	857	2.0	36.6	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	8,810	0.23%	-4.34%	13,600	54.4%	639	0.8	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,200	-1.12%	-6.71%	20,000	51.5%	(1,937)	0.8	-6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPG	37,650	2.87%	-2.84%	55,200	46.6%	3,037	1.8	12.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	44,000	4.76%	6.54%	64,100	45.7%	3,090	2.2	14.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DXG	16,750	0.60%	-5.10%	24,000	43.3%	398	1.5	42.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	30,250	2.20%	5.40%	42,400	40.2%	1,763	1.7	17.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	38,900	6.58%	6.58%	54,000	38.8%	4,849	2.2	8.0	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	26,800	3.08%	-3.42%	37,000	38.1%	938	1.5	28.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	34,000	1.80%	3.98%	46,600	37.1%	3,578	1.7	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SSI	30,100	1.52%	-1.31%	40,800	35.5%	1,849	2.4	16.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
ACB	24,650	2.71%	2.71%	33,300	35.1%	3,385	1.4	7.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HPG	26,600	2.50%	-0.37%	35,700	34.2%	1,876	1.6	14.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	29,250	1.39%	4.46%	38,000	29.9%	2,603	1.5	11.2	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực	Trung tính
SCS	51,800	0.97%	1.17%	67,000	29.3%	7,183	3.2	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	78,400	1.82%	3.84%	101,200	29.1%	2,196	3.4	35.7	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SIP	54,300	3.63%	4.22%	69,800	28.5%	5,474	2.6	9.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn